

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :308

sáng; Cháo thòt lồn khoai môn cà rốt rau
hung
Sữa grow
Trữa : Cơm xức xích rìm xì dầu. Canh khoai
mô tom kho thòt heo nạc rau hung
Món luộc: rau đen
Xe: sữa chua uống táo
Xe chiều: Nui thòt bò viên nam mỗp cà rốt

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37010				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (múi)	3,000	1,060	31,800
2	Tom kho	300	78,100	234,300
3	Lồn	3,500	28,670	1,003,450
4	Nộm cà mề (loại 1)	4,000	5,940	237,600
5	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
6	Nộm cà mề	4,000	3,880	155,200
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Xì dầu	3,000	990	29,700
9	Gạo tẻ xay	24,000	2,630	631,200
10	Ngô (bắp) tươi	1,000	3,990	39,900
11	Hành lá	1,500	5,360	80,400
12	Hành củ tươi	1,000	5,780	57,800
13	Nam rơm	500	13,130	65,650
14	Cà rốt	5,000	5,460	273,000
15	Khoai môn	3,000	6,410	192,300
16	Khoai mỡ	10,000	4,620	462,000
17	Rau húng	200	11,870	23,740
18	Rau đen	4,000	4,200	168,000
19	Mỗp	2,500	3,990	99,750
20	Xức xích	9,000	17,600	1,584,000
21	Nui	8,000	3,060	244,800
22	Bánh chả	1,500	18,700	280,500
23	Thịt lợn nạc	6,000	18,060	1,083,600
24	Thịt bò loại 1	2,500	37,800	945,000
25	Sữa chua Daisy(1 lo)	30,800	5,950	1,832,600
Cong				10,046,190
	*XUẤT KHO			
26	Sữa bột Abbott Grow	6,600	20,500	1,353,000
Cong				1,353,000
Tổng tiền thức phẩm				11,399,190 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏch chi trong ngày				11396000(đ)
Số dõ nẫu ngay				0(đ)
Số dõ cuối ngày				-3190(đ)
Xuất an luy kê tở nẫu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tở nẫu tháng				
Tiền chi luy kê tở nẫu tháng				